

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK SONG  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2021/DSST

Ngày: 10/11/2021

*“V/v tranh chấp hợp đồng  
mua bán tài sản”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Quách Trọng Sơn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hữu Lỗi và bà Võ Thị Thanh Huệ

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Xuân Hải – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên tòa:**  
Bà L Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2021 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 165/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2021/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 188/2021/QĐST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Minh T, có mặt.

Địa chỉ: Thôn 03, xã N, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông.

2. *Bị đơn:* Bà Đặng Thị L, có mặt.

Ông Nguyễn Tấn V, vắng mặt.

Đồng địa chỉ: Thôn 03, xã N, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2021, lời khai của bà Trương Thị Minh T có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa:*

Bà Trương Thị Minh T là đại lý bán phân bón, trong quá trình mua bán phân bón ông Nguyễn Tấn V và bà Đặng Thị L có mua bán phân bón nợ tiền của bà T, ngày 11/3/2019 hai bên xác nhận nợ, theo đó bà L và ông V nợ bà T số

tiền 55.545.000 đồng, các bên thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, thời hạn thanh toán là 11/5/2019, hai bên có lập giấy xác nhận nợ có chữ ký của ông V và bà L. Tuy nhiên, đến hạn ông V và bà L không thanh toán cho bà T. Vì vậy bà T khởi kiện yêu cầu ông V và bà L phải trả số tiền còn nợ là 55.545.000 đồng và lãi suất tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 12/5/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 10/11/2021 (0,83%/tháng) với số tiền 12.900.000 đồng. Tổng cộng 68.445.000 đồng.

- Theo lời khai của bị đơn, bà Đặng Thị L có trong hồ sơ vụ án:

Trong quá trình mua bán phân bón của bà Trương Thị Minh T. Vào ngày 11/3/2019, ông Nguyễn Tấn V và bà Đặng Thị L có xác nhận nợ của bà Trương Thị Minh T số tiền 55.545.000 đồng. Trong số tiền 55.545.000 đồng trên là có tiền lãi nhưng bà L không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình.

Nay bà T yêu cầu bà L và ông V thanh toán số tiền 55.545.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng thì bà L thừa nhận còn nợ số tiền trên. Tuy nhiên, vì hoàn cảnh khó khăn, gia đình bà L không có thu nhập ổn định nên bà L không có tiền trả cho bà T. Nay bà T khởi kiện thì bà L xin được trả dần, chia làm nhiều đợt, không đồng ý trả một lần.

- Đối với ông Nguyễn Tấn V. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt văn bản hợp lệ cho ông V nhưng ông V đều vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và sự tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn, bị đơn trong vụ án:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm túc quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về tố tụng: Đảm bảo đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông Nguyễn Tấn V và bà Đặng Thị L phải thanh toán cho bà Trương Thị Minh T số tiền là 55.545.000 đồng và lãi suất tính từ ngày vay, ngày 12/5/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 10/11/2021 với số tiền 12.900.000 đồng. Tổng cộng 68.445.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và việc thẩm tra tại phiên tòa ngày hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng.

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Tấn V và bà Đặng Thị L cư trú tại: Thôn 03, xã N, huyện Đăk S, tỉnh Đăk Nông. Vì vậy, tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngày 11/3/2019 ông Nguyễn Tấn V và bà Đặng Thị L xác nhận nợ mua bán phân bón đối với bà Trương Thị Minh T số tiền 55.545.000 đồng. Do đó quan hệ xác định là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về thời hiệu khởi kiện: Số tiền nợ được xác nhận ngày 11/3/2019, thời hạn trả là ngày 11/5/2019. Ngày 01/4/2021 bà Trương Thị Minh T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án là còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà Trương Thị Thanh Tâm yêu cầu ông Nguyễn Tấn V và bà Đặng Thị L phải thanh toán số tiền 55.545.000 đồng và lãi suất tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 12/5/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 10/11/2021 với mức lãi suất (0,83%/tháng) với số tiền 12.900.000 đồng. Tổng cộng 68.445.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Đặng Thị L thừa nhận có nợ của bà Trương Thị Minh T với số tiền trên, bà L và ông V xin được trả dần nhưng bà T không đồng ý với đề nghị của ông V và bà L.

Khoản 1 Điều 351 của BLDS: “*Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền.*”

*Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ”.*

Điều 430 của Bộ luật dân sự quy định: “*Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán*”.

Ông V và bà L thừa nhận còn nợ bà Trương Thị Minh T số tiền 55.545.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 11/3/2019. Yêu cầu của bà T yêu cầu ông V và bà L phải thanh toán số tiền 55.545.000 đồng là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[2.2]. Về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn với mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 12/5/2019 đến ngày 10/11/2021. Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng mua bán tài sản có kỳ hạn và không có lãi nhưng đến hạn ông V và bà L không trả tiền cho bà T nên ông V và bà L phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 3 Điều 440 của Bộ luật dân sự. Theo đó, lãi suất được tính kể từ ngày tiếp

theo ngày vi phạm theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Điều 357 của Bộ luật dân sự quy định:

*1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.*

*2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.*

Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định:

*1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác...”*

*2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 nêu trên tại thời điểm trả nợ.*

Như vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi từ ngày 12/5/2019 đến ngày xét xử (10/11/2021) với mức lãi suất 0,83%/tháng với số tiền 12.900.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

Tổng số tiền ông V và bà L phải trả cho bà Trương Thị Minh T là 55.545.000 đồng + 12.900.000 đồng = 68.445.000 đồng.

Đối với yêu cầu được trả dần hằng năm của bà L, nguyên đơn không chấp nhận nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.3]. Đối với lời khai của bà Đặng Thị L cho rằng trong tổng số tiền 55.545.000 đồng các bên đã xác nhận nợ ngày 11/3/2019 có tiền lãi. Nhưng bà L không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

[3]. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy, yêu cầu của bà Trương Thị Minh T là có căn cứ nên chấp nhận.

Buộc ông Nguyễn Tấn V và bà Đặng Thị L phải trả cho bà Trương Thị Minh T số tiền 68.445.000 đồng, trong đó 55.545.000 đồng gốc và 12.900.000 đồng tiền lãi.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu được chấp nhận, vì vậy ông Nguyễn Tấn V và bà Đặng Thị L phải chịu toàn bộ án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 351; Điều 357, Điều 430; Điều 440; Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Minh T.

**1.** Buộc ông Nguyễn Tấn V và bà Đặng Thị L phải thanh toán cho bà Trương Thị Minh T số tiền 68.445.000 đồng (*Sáu mươi tám triệu, bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*), trong đó 55.545.000 đồng (*Năm mươi lăm triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) tiền gốc và 12.900.000 đồng (*Mười hai triệu, chín trăm nghìn đồng*) tiền lãi.

**2.** Thời hạn thanh toán: Theo trình tự thủ tục thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bà Trương Thị Minh T có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Nguyễn Tấn V và bà Đặng Thị L không thi hành thì ông Nguyễn Tấn V và bà Đặng Thị L còn phải chịu lãi suất đối với khoản tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

**3.** Về án phí: Buộc ông Nguyễn Tấn V và bà Đặng Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.422.250 đồng (*Ba triệu, bốn trăm bốn mươi hai nghìn, hai trăm năm mươi đồng*).

Hoàn trả bà Trương Thị Minh T số tiền 1.750.000 đồng (*Một triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Song theo biên lai số 0005334 ngày 26 tháng 4 năm 2021.

**4.** Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc Tòa án niêm yết bản án lên Tòa án cấp trên yêu cầu xét xử phúc thẩm.

**5.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song (02 bản);
- CCTHDS huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(*Đã ký*)

**Quách Trọng Sơn**